

CÔNG TY CỔ PHẦN
HALCOM VIỆT NAM
HALCOM VIETNAM JOINT
STOCK COMPANY

Số/ No. 230/2026/CV/HAL-BQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026
Hanoi, August 28th, 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
HALCOM VIỆT NAM
Date: 2026.08.28
17:00:13 +07'00'

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
To: State Securities Commission;
Ho Chi Minh City Stock Exchange.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
Name of organization: HALCOM VIETNAM JOINT STOCK COMPANY
- Mã chứng khoán/ Stock Symbol: HID
- Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Address: Floor No.09, Hoa Binh Tower, No.106 Hoang Quoc Viet Street, Nghia Do Ward, Hanoi City
- Điện thoại liên hệ/ Telephone: 024 3562 4709
- Email: info@halcom.vn
- Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure: Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm tài chính 2026 đã được soát xét – Bản Tiếng Việt/ Reviewed Consolidated Semi-Annual Financial Reports for Fiscal Year 2026 - Vietnamese version.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/8/2026 tại đường dẫn <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>
This information was disclosed on the Company's website on August 28th, 2026 at the following link: <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the information disclosed above is true and accurate and we take full legal responsibility for the content of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:
Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên
năm tài chính 2026 đã được soát xét –
Bản Tiếng Việt/ Reviewed
Consolidated Semi-Annual Financial
Reports for Fiscal Year 2026 -
Vietnamese version.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT/
Person authorized to disclose information



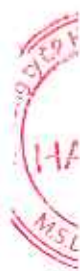
Nguyễn Thu Trang/
Nguyen Thu Trang



CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 46



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Năng Liễn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Dũng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2026)
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tiến Anh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2026)
Bà Hà Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 1 năm 2026)

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Xuyên	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2026)
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2026)
Bà Trần Thị Minh Huệ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2026)
Ông Nguyễn Đức Quyết	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2026)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Huân - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Dưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Quang Huân

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Số: 260 /VACO/BC/SX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (dưới đây gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”).

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Như trình bày tại thuyết minh số 38 Phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 31 tháng 3 năm 2026 đưa ra ý kiến ngoại trừ do không đánh giá được tính hợp lý của giao dịch, cũng như tính hiện hữu và khả năng thu hồi của khoản phải thu liên quan đến việc tạm ứng thực hiện dự án Trồng cây được liệu Nhị Hà Solar Farm trị giá 249,9 tỷ VND và vấn đề nhấn mạnh về việc Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc - Công ty con gián tiếp của Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để được cấp quyền khai thác khoáng sản đối với Dự án khai thác vàng gốc khu vực Nậm Kha Á. Các vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty do khoản phải thu đã được thu hồi và Công ty đang có kế hoạch tái cấu trúc và sắp xếp lại các khoản đầu tư (chi tiết tại Thuyết minh số 06 phần Thuyết minh báo cáo tài chính).

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 đến ngày 30 tháng 9 năm 2025 đã được soát xét bởi công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo soát xét đề ngày 9 tháng 12 năm 2025 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Do khác biệt về kỳ kế toán nên các số liệu này không có tính so sánh với số liệu của kỳ kế toán hiện tại.

Báo cáo được lập và phát hành đồng thời cùng Báo cáo tài chính riêng; theo đó, để có thông tin đầy đủ thì người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất nên đọc báo cáo tài chính này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Chữ Mạnh Hoan

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKIN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		641.016.879.238	623.255.098.028
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	260.694.162.920	16.382.823.455
1. Tiền	111		6.915.262.920	16.382.823.455
2. Các khoản tương đương tiền	112		253.778.900.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	13.878.943.211	13.377.620.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.878.943.211	13.377.620.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		358.680.149.339	586.164.449.418
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	58.687.311.027	48.576.726.533
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	128.311.081.498	120.344.217.985
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	179.003.755.259	446.439.677.774
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(7.321.998.445)	(29.196.172.874)
IV. Hàng tồn kho	140		3.102.334.686	3.089.215.137
1. Hàng tồn kho	141	10	3.102.334.686	3.089.215.137
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		4.661.289.082	4.240.990.018
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	12	1.403.753.036	1.192.228.164
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		3.257.536.046	3.048.761.854
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.292.175.069.275	1.290.843.084.269
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		400.401.000	400.401.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	9	400.401.000	400.401.000
II. Tài sản cố định	220		964.601.070.169	765.701.392.916
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	964.601.070.169	765.701.392.916
- Nguyên giá	222		1.321.833.826.925	1.094.737.225.268
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(357.232.756.756)	(329.035.832.352)
III. Tài sản dở dang dài hạn	250	11	26.867.529.944	228.891.961.693
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		26.867.529.944	228.891.961.693
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260	6	21.307.873.690	2.431.854.290
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		32.400.731.000	32.400.731.000
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(17.029.107.310)	(29.968.876.710)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		5.936.250.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	270		278.998.194.472	293.417.474.370
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	12	11.815.717.692	11.630.490.224
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		758.538.912	1.050.825.044
3. Lợi thế thương mại	279	14	266.423.937.868	280.736.159.102
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		1.933.191.948.513	1.914.098.182.297

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.012.227.733.377	1.002.547.285.358
I. Nợ ngắn hạn	310		395.393.433.590	341.273.238.374
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	37.212.493.124	48.100.514.675
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.271.268.265	5.924.112.174
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	16	14.618.860.816	6.600.891.866
4. Phải trả người lao động	315		2.599.506.307	2.449.189.236
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	17	29.056.315.279	12.726.190.786
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	18	12.028.948.784	45.386.342.479
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	19	296.712.195.034	218.192.151.177
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.893.845.981	1.893.845.981
II. Nợ dài hạn	330		616.834.299.787	661.274.046.984
1. Phải trả dài hạn khác	338	18	68.825.965.182	76.317.905.182
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	19	533.428.790.344	561.115.083.269
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		14.579.544.261	23.841.058.533
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	20	920.964.215.136	911.550.896.939
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		767.650.320.000	767.650.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		767.650.320.000	767.650.320.000
2. Thặng dư vốn	412		536.587.297	536.587.297
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(58.859.397)	(58.859.397)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		32.078.650	(8.370.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.040.795.104	2.040.795.104
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(11.476.251.318)	(18.804.288.139)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(18.804.288.139)	24.458.765.088
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		7.328.036.821	(43.263.053.227)
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		162.239.544.800	160.194.712.074
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.933.191.948.513	1.914.098.182.297

Tô Thị Minh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Duẩn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		217.459.030.313	329.805.032.476
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	22	217.459.030.313	329.805.032.476
3. Giá vốn hàng bán	11	23	212.580.987.017	208.596.201.539
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.878.043.296	121.208.830.937
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	24	16.462.880.339	9.209.083
6. Chi phí tài chính	23	25	19.014.790.509	52.798.784.008
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		27.978.117.182	16.529.045.451
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	8.831.374.214	28.127.180.115
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	9.167.684
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (22 - 23) - 26 + 27)	30		(6.505.241.088)	40.301.243.581
10. Thu nhập khác	31	28	16.197.507.808	110.617
11. Chi phí khác	32	29	1.181.938.784	1.162.990.297
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		15.015.569.024	(1.162.879.680)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.510.327.936	39.138.363.901
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	8.106.686.529	12.461.749.808
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(8.969.228.140)	4.455.520.369
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		9.372.869.547	22.221.093.724
17. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		7.328.036.821	43.535.274.412
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.044.832.726	(21.314.180.688)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	95,47	567,19

Tô Thị Minh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	8.510.327.936	39.138.363.901
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	42.509.145.638	27.410.863.114
- Các khoản dự phòng	03	(34.813.943.829)	(185.326.239)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(12.334.362.351)	32.281.717.174
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(4.103.552.240)	(9.209.083)
- Chi phí đi vay	06	27.978.117.182	16.529.045.451
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08	27.745.732.336	115.165.454.318
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	242.520.150.315	(201.783.715.702)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(13.119.548)	12.621.026.725
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(41.421.264.384)	222.854.470.344
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	(396.752.340)	1.087.340.538
- Chi phí đi vay đã trả	14	(21.128.907.035)	(21.970.964.449)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(361.599.289)	(1.735.578.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	206.944.240.055	126.238.033.534
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(31.789.274.895)	(186.997.563.724)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(40.524.700.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	693.300.000	15.272.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(43.094.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.600.000.000	20.800.770.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.670.884.372	168.018.757
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.825.090.523)	(234.375.474.967)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	242.801.045.701	313.056.054.886
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(179.609.238.960)	(208.473.816.924)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	63.191.806.741	104.582.237.962
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	244.310.956.273	(3.555.203.471)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	16.382.823.455	28.351.133.686
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái và quy đổi ngoại tệ	61	383.192	(270.596)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	260.694.162.920	24.795.659.619

Tô Thị Minh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Huân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Thăng Long, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0101143879 ngày 02/07/2001; Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 ngày 05/11/2025.

Công ty có trụ sở tại số Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 767.650.320.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam tại ngày 30/6/2026 là 35 người (Tại ngày 31/12/2025 là 47 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi; Giám sát thi công xây dựng loại công trình: giao thông (cầu, đường bộ), lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công trình thủy lợi; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án, quy hoạch các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng; Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật và lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng; Tư vấn thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế kết cấu, thiết kế điện đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thiết kế điện đối với công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường; Tư vấn thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Tư vấn lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá thầu (Không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng) cho các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đánh giá dự án đầu tư; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công và tổ chức thi công các công trình điện dưới 35KV; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công: công trình cấp thoát nước môi trường; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (gồm: Cấp nước, Thoát nước, Xử lý chất thải rắn); Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ, cầu - hầm); Thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Mua bán thương mại thép cây, thép hình và ống inox các loại;
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh thương mại, cung cấp dịch vụ kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ hoạt động ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lợi nhuận trong kỳ của Công ty chủ yếu đến từ lãi đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ và nhận tiền bồi thường thiệt hại do tổn thất tài sản từ Công ty bảo hiểm bồi thường cho Công ty Cổ phần Phong điện miền Trung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 30 tháng 9 năm 2025 đã được soát xét; do khác biệt về kỳ kế toán nên số liệu này không có tính so sánh với số liệu của kỳ hiện tại.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có các công ty con như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Tên Công ty con trực tiếp				
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Cần Thơ	Hà Nội	96,88%	96,88%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Gia Lai	51,00%	51,00%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần nước Thuận Thành	Bắc Ninh	93,61%	93,61%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Quảng Trị	96,15%	96,15%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	Cần Thơ	99,28%	99,28%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ môi trường Miền Bắc	Hà Nội	98,00%	98,00%	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
Công ty TNHH Halcom (Cambodia)	Phnom Pênh	100,00%	100,00%	Bán buôn vật liệu, dụng cụ xây dựng
Tên Công ty con gián tiếp				
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc (i)	Lai Châu	50,24%	51,00%	Khai thác quặng kim loại quý hiếm

Ghi chú:

- (i) Theo Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng Quản trị về việc chủ trương rà soát, tái cơ cấu danh mục đầu tư, Hội đồng Quản trị phê duyệt chủ trương rà soát đánh giá, sắp xếp và tái cơ cấu danh mục đầu tư của Công ty, bao gồm các khoản đầu tư tại công ty con, công ty liên kết, các khoản góp vốn, dự án đầu tư và các khoản đầu tư khác. Việc tái cơ cấu tập trung vào các khoản đầu tư có hiệu quả thấp, không phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KÝ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC (“Thông tư 43”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 43 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2026. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và sổ dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Trường hợp giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán/năm phát sinh giao dịch mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể là quyền tham gia của Công ty vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách đó.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên kết. Tại ngày mua khoản đầu tư vào công ty liên kết, bất kỳ phần chênh lệch nào giữa giá phí khoản đầu tư lớn hơn phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết sẽ được ghi nhận là lợi thế thương mại, được trình bày gộp vào giá trị của khoản đầu tư. Bất kỳ phần chênh lệch nào giữa phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết lớn hơn giá phí khoản đầu tư, sau khi đã đánh giá lại, được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà khoản đầu tư được mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận, ngoại trừ trường hợp Công ty có nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng hoặc thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả, theo đó, Công ty có cam kết gánh lỗ cho công ty liên kết hoặc cho phép công ty liên kết không phải hoàn trả/bồi hoàn đối với khoản nợ mà Công ty đã thanh toán thay. Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Khi các công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch (theo chiều xuôi hoặc ngược) với một công ty liên kết với Công ty, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ các giao dịch này được điều chỉnh theo quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư và các khoản đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh mà Công ty không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi công ty nhận vốn góp đầu tư bị lỗ hoặc khoản đầu tư vào đơn vị khác bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Lãi nhận sau hoặc lãi nhận định kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với kỳ hưởng lãi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có khả năng không thu hồi được.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí mua liên quan trực tiếp: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty xác định giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh để hạch toán hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm:

Chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định thể hiện số tiền thuê văn phòng làm việc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các chi phí thuê chờ phân bổ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí mua bảo hiểm thể hiện số tiền mua bảo hiểm: Bảo hiểm sức khỏe, hỏa hoạn, vật chất xe, ... mà Công ty đã mua một lần cho nhiều kỳ kế toán, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chi phí xây dựng quy trình hệ thống của Công ty, ... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở đang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của kỳ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này, ngoại trừ số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo trừ khi tỷ giá này có chênh lệch vượt quá biên độ tỷ giá giao ngay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi Công ty có khả năng chắc chắn thu được lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền mặt	908.039.465	657.310.596
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	6.007.223.455	15.725.512.859
Tương đương tiền (**)	253.778.900.000	-
Cộng	260.694.162.920	16.382.823.455
<i>(*) Trong đó:</i>		
- Ngân hàng Thương mại Sinopac	2.501.815.654	2.500.575.386
- Ngân hàng TMCP Dầu khí và Phát triển Việt Nam	1.051.735.977	7.280.525
- Ngân hàng TMCP Quân đội	605.309.606	204.959.524
- Ngân hàng khác	1.848.362.218	13.012.697.424
<i>(**) Trong đó:</i>		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (Kỳ hạn 1 tháng)	250.000.000.000	-
- Ngân hàng khác	3.778.900.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay ngắn hạn	572.674.718	572.674.718	-	521.620.000	521.620.000	-
- Cho vay Ông Vương Tất Đạt	572.674.718	572.674.718	-	521.620.000	521.620.000	-
Các khoản cho vay ngắn hạn là bên liên quan	13.306.268.493	13.306.268.493	-	12.856.000.000	12.856.000.000	-
- Cho vay Ông Vũ Mạnh Tuấn	11.800.268.493	11.800.268.493	-	11.350.000.000	11.350.000.000	-
- Lãi vay Công ty Cổ phần Gia Tuấn Hưng	1.506.000.000	1.506.000.000	-	1.506.000.000	1.506.000.000	-
Các khoản cho vay dài hạn	3.906.250.000	3.906.250.000	-	-	-	-
- Cho vay Ông Phùng Ngọc Sơn	3.906.250.000	3.906.250.000	-	-	-	-
Các khoản cho vay dài hạn là bên liên quan	2.030.000.000	2.030.000.000	-	-	-	-
- Cho vay Ông Nguyễn Việt Dũng	2.030.000.000	2.030.000.000	-	-	-	-
Cộng	19.815.193.211	19.815.193.211	-	13.377.620.000	13.377.620.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần TBD Lào Cai (i)	6.400.000.000	-	10.000.000.000	-
Cộng	6.400.000.000	-	10.000.000.000	-

Ghi chú:

- (i) Trong kỳ, Công ty đã thoái trả vốn cho các cổ đông tương ứng theo tỷ lệ sở hữu (sau khi thoái tỷ lệ sở hữu không thay đổi). Vì vậy, giá gốc khoản đầu tư giảm 3,6 tỷ VND; theo đó, giá trị khoản đầu tư bị ghi giảm theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi hợp nhất báo cáo tài chính đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh các kỳ trước được thu hồi trong kỳ này là 3,6 tỷ VND.

c) Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Gia Tuấn Hưng Yên (i)	15.100.231.000	(*)	(11.994.907.310)	15.100.231.000	(*)	(13.997.913.210)
- Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng nước sạch Phú Minh (i)	9.900.500.000	(*)	-	9.900.500.000	(*)	(9.177.763.500)
- Công ty Cổ phần Nước sạch Miền Trung (i)	7.400.000.000	(*)	(5.034.200.000)	7.400.000.000	(*)	(6.793.200.000)
Cộng	32.400.731.000	-	(17.029.107.310)	32.400.731.000	-	(29.968.876.710)

Ghi chú:

- (*) Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi không có giả niệm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty đã ký kết các Hợp đồng chuyển nhượng theo mệnh giá toàn bộ cổ phần sở hữu tại Công ty CP Gia Tuấn Hưng Yên, Công ty CP Nước sạch Miền Trung và Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Nước sạch Phú Minh với ba (03) cá nhân (gồm ông Nguyễn Đức Hùng, ông Lê Quang Vinh và ông Phạm Công Phương) theo các hợp đồng đồng chuyển nhượng số 03/2025/HĐCNCP, 06/2025/HĐCNCP, 09/2025/HĐCNCP và phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐCN, 02/PLHĐCN, 01/PL/HĐCNCP. Tính đến ngày 14/08/2026, Công ty đã nhận được số tiền là 15.371.623.000 VND – là tiền tạm ứng và thanh toán các lần từ 3 cá nhân nhận chuyển nhượng theo các hợp đồng chuyển nhượng trên. Tại ngày 30/6/2026, Công ty trích lập dự phòng các khoản đầu tư góp vào đơn vị khác dựa trên số tiền chưa thanh toán của 3 cá nhân nhận chuyển nhượng đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
- Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	27.524.909.126	-	19.758.407.866	-
- Công ty Cổ phần Fumee Tech	8.193.462.750	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Hưng An	5.242.919.700	-	-	-
- Công ty Cổ phần DELTA Việt Nam	-	-	15.534.803.455	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	17.726.019.451	151.057.651	13.283.515.212	151.057.651
Cộng	58.687.311.027	151.057.651	48.576.726.533	151.057.651

Ghi chú:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, toàn bộ số dư Phải thu ngắn hạn của khách hàng của Công ty Cổ phần phong điện Miền Trung với số tiền khoảng 27,5 tỷ VND được đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy, chi tiết tại thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
- Công ty Cổ phần nước Halcom - Nhơn Hội (i)	69.800.000.000	-	75.600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Gia Tuấn Hưng Yên	36.140.000.000	-	36.140.000.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	22.371.081.498	-	8.604.217.985	-
Cộng	128.311.081.498	-	120.344.217.985	-

Ghi chú:

- (i) Khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần Nước Halcom-Nhơn Hội theo Hợp đồng số 801/2025/HĐEPC/HAL-NNH ngày 01/08/2025 về thiết kế, mua sắm vật tư và thiết bị, thi công xây dựng và lắp đặt Dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội Giai đoạn 2 và Hợp đồng số 801A/2025/HĐO&M/HAL-NNH ngày 01/08/2025 về Đào tạo và quản lý vận hành Nhà máy nước Khu Kinh tế Nhơn Hội giai đoạn 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
a) Ngắn hạn	179.003.755.259	(5.648.158.010)	446.439.677.774	(29.045.115.323)
- Phải thu tạm ứng cho nhân viên	4.174.609.961	(1.045.115.223)	2.015.248.599	(1.045.115.323)
- Ký cược, ký quỹ	49.543.200	-	18.000.000	-
- Phải thu khác	61.120.252.098	(4.603.042.787)	80.366.629.175	(28.000.000.000)
+ Công ty Cổ phần An Lạc Sơn (i)	18.784.355.957	(4.603.042.787)	38.282.355.957	-
+ Phải thu tiền điện - Công ty Mua bán điện	6.331.224.976	-	-	-
+ Siemens Gimesa Renewable Energy - Phải thu từ bồi thường khác	4.704.318.459	-	4.704.318.459	-
phục sự cố tua-bín WTG 02				
+ Ông Trần Thành Đô	15.406.000.000	-	15.671.000.000	(15.000.000.000)
+ Bà Nguyễn Thị Trang (iii)	13.000.000.000	-	13.000.000.000	(13.000.000.000)
+ Ông Phùng Ngọc Sơn (iii)	-	-	3.906.250.000	-
+ Các đối tượng khác	2.894.352.706	-	4.802.704.759	-
- Phải thu khác là bên liên quan	113.659.350.000	-	364.039.800.000	-
- Ông Nguyễn Hồng Giang (ii)	113.387.350.000	-	114.067.800.000	-
- Ông Phạm Minh Tuấn	272.000.000	-	72.000.000	-
- Ông Nguyễn Việt Dũng	-	-	249.900.000.000	-
b) Dài hạn	400.401.000	-	400.401.000	-
- Ký cược, ký quỹ	400.401.000	-	400.401.000	-

Ghi chú:

- (i) Khoản phải thu từ Công ty Cổ phần An Lạc Sơn theo Biên bản thanh lý ngày 26/3/2025 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HDHT/HAL-ALS ngày 14/05/2019.
- (ii) Khoản phải thu ông Nguyễn Hồng Giang liên quan đến tiền tạm ứng thực hiện các thủ tục pháp lý xin cấp phép và triển khai thi công xây dựng dự án khai thác và chế biến quặng vàng gốc khu vực Nậm Kha Á thuộc xã Mù Cà và xã Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Khoản phải thu này có tài sản đảm bảo là 40% cổ phần của ông Nguyễn Hồng Giang tại Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom Hậu Giang (Công ty con) đã thu hồi khoản phải thu khác của hai đối tượng cá nhân là Ông Trần Thành Đô và Bà Nguyễn Thị Trang với số tiền là 28 tỷ VND. Do đó, tại ngày 30/6/2026, Công ty thực hiện điều chỉnh hoàn nhập dự phòng tương ứng 28 tỷ VND (như trình bày tại Thuyết minh số 37 dưới đây).
- (iii)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dư phòng	(Trình bày lại)	
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	129.086.641	-	129.086.641	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.973.248.045	-	2.960.128.496	-
- Thi công nhà máy nước Nhon Hội	971.225.842	-	2.173.766.164	-
- Công trình/Dự án khác	2.002.022.203	-	786.362.332	-
Cộng	3.102.334.686	-	3.089.215.137	-

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	(Trình bày lại)	
	VND	VND	VND	VND
+ Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhon Hội	-	-	204.315.863.947	204.315.863.947
+ Dự án Phương Mai 3 - Resort	6.597.490.470	6.597.490.470	6.597.490.470	6.597.490.470
+ Dự án điện rác Hà Nội	2.621.477.298	2.621.477.298	553.068.093	553.068.093
- Các dự án khác	17.648.562.176	17.648.562.176	17.425.539.183	17.425.539.183
Cộng	26.867.529.944	26.867.529.944	228.891.961.693	228.891.961.693

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

12. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.403.753.036	1.192.228.164
- Chi phí thuê GCN quyền sử dụng đất, thuê văn phòng	1.091.034.500	406.315.500
- Chi phí mua bảo hiểm	79.348.987	592.919.725
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	41.639.136	40.894.725
- Các khoản chi phí khác	191.730.413	152.098.214
b) Dài hạn	11.815.717.692	11.630.490.224
- Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đất Nhon Hội	7.314.109.276	8.037.482.721
- Chi phí cải tạo, sửa chữa	279.555.564	1.322.710.233
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	819.265.417	284.733.634
- Chi phí mua bảo hiểm	410.630.259	-
- Các khoản chi phí khác	2.992.157.176	1.985.563.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
<i>Số dư đầu kỳ</i>	<i>328.965.268.285</i>	<i>741.282.178.930</i>	<i>24.300.112.727</i>	<i>189.665.326</i>	<i>1.094.737.225.268</i>
- Mua trong kỳ	-	24.774.487.393	-	-	24.774.487.393
- Đầu tư XDCB hoàn thành	202.322.114.264	-	-	-	202.322.114.264
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>531.287.382.549</i>	<i>766.056.666.323</i>	<i>24.300.112.727</i>	<i>189.665.326</i>	<i>1.321.833.826.925</i>
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)</i>	<i>96.943.054.100</i>	<i>221.955.893.247</i>	<i>9.947.219.679</i>	<i>189.665.326</i>	<i>329.035.832.352</i>
- Khấu hao trong kỳ	8.579.000.307	18.933.447.302	684.476.795	-	28.196.924.404
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>105.522.054.407</i>	<i>240.889.340.549</i>	<i>10.631.696.474</i>	<i>189.665.326</i>	<i>357.232.756.756</i>
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu kỳ	232.022.214.185	519.326.285.683	14.352.893.048	-	765.701.392.916
- Tại ngày cuối kỳ	425.765.328.142	525.167.325.774	13.668.416.253	-	964.601.070.169

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2026 là 918.263.562.124 VND (Tại ngày 31/12/2025 là 722.576.734.717 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 3.214.914.951 VND (Tại ngày 31/12/2025 là 3.127.549.951 VND).

Trong kỳ, Công ty không có tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

14. LỢI THÊ THƯƠNG MẠI

	Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	13.457.778.568	272.786.646.123	286.244.424.691
Số dư cuối kỳ	13.457.778.568	272.786.646.123	286.244.424.691
Giá trị hao mòn lũy kế			
GIÁ TRỊ PHÂN BỐ			
Số dư đầu kỳ	3.007.721.333	2.500.544.256	5.508.265.589
- Tăng trong kỳ	672.888.928	13.639.332.306	14.312.221.234
Số dư cuối kỳ	3.680.610.261	16.139.876.562	19.820.486.823
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
- Tại ngày đầu kỳ	10.450.057.235	270.286.101.867	280.736.159.102
- Tại ngày cuối kỳ	9.777.168.307	256.646.769.561	266.423.937.868

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	35.447.252.624	48.100.514.675
- Tổng công ty Đầu tư nước và Môi trường Việt Nam - CTCP	12.966.528.668	21.256.401.912
- Công ty TNHH Siemens Gamesa Renewable Energy	8.240.536.104	5.402.811.399
- Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Quốc tế AVICC	8.183.403.250	10.343.754.614
- Shizen International Inc	3.123.820.293	3.123.820.293
- Các đối tượng khác	2.932.964.309	7.973.726.457
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	1.765.240.500	-
- Ông Nguyễn Quang Hưng	1.027.080.000	-
- Ông Nguyễn Tiến Hân	103.405.500	-
- Bà Lê Kim Anh	634.755.000	-
Cộng	37.212.493.124	48.100.514.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế phải nộp	6.600.891.866	10.562.659.744	2.544.690.794	14.618.860.816
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	6.053.989.563	1.016.609.980	1.142.273.772	5.928.325.771
Thuế thu nhập doanh nghiệp	152.032.492	8.106.686.529	361.599.289	7.897.119.732
Thuế thu nhập cá nhân	377.522.335	664.560.259	510.598.601	531.483.993
Thuế tài nguyên	-	107.809.050	78.582.150	29.226.900
Các loại thuế khác	17.347.476	557.622.681	342.265.737	232.704.420
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	109.371.245	109.371.245	-

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả	19.940.884.237	10.015.071.939
- Trích trước chi phí chờ hóa đơn, chứng từ	6.423.224.507	-
- Các khoản chi phí khác phải trả	2.692.206.535	2.711.118.847
Cộng	29.056.315.279	12.726.190.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

18. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	103.712.893	50.105.799
- Bảo hiểm xã hội	170.219.052	8.064.000
- Bảo hiểm y tế	10.008.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.189.345	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.640.819.494	12.608.180.024
- <i>Tạm ứng chuyển nhượng cổ phần</i>	<i>3.329.874.000</i>	
- <i>Công ty Cổ phần - Trung tâm phân tích và Môi trường</i>	<i>3.240.000.000</i>	
- <i>Ông Nguyễn Tuấn Anh</i>	<i>2.960.940.000</i>	
- <i>Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội</i>	-	<i>9.638.067.780</i>
- <i>Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh (i)</i>	<i>1.857.000.000</i>	<i>1.857.000.000</i>
- <i>Đối tượng khác</i>	<i>253.005.494</i>	<i>1.113.112.244</i>
- Các khoản phải trả khác là bên liên quan	100.000.000	32.719.992.656
- Ông Nguyễn Việt Dũng	100.000.000	100.000.000
- Ông Nguyễn Hồng Giang	-	32.619.992.656
Cộng	12.028.948.784	45.386.342.479
b) Dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	68.825.965.182	76.317.905.182
- Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội (ii)	5.487.000.000	10.018.000.000
- Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh (i)	60.865.734.182	60.865.734.182
- Ủy ban nhân dân huyện Thuận Thành	2.473.231.000	2.473.231.000
- Ông Nguyễn Tuấn Anh	-	2.960.940.000
Cộng	68.825.965.182	76.317.905.182

Ghi chú:

- (i) Phải trả, phải nộp khác Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh là khoản phải trả theo các văn bản sau:

Theo văn bản số 894/UBND - KTTT ngày 16 tháng 05 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Công ty được hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước 45% tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng cho phần vốn đầu tư của doanh nghiệp (55% tổng dự toán của dự án được phê duyệt) trong thời gian 5 năm kể từ ngày khởi công đối với Dự án cấp nước tại thị trấn Hồ. Công ty cũng được hỗ trợ 100% tổng dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với dự án cấp nước tại xã Gia Đông theo Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Nguồn vốn này sẽ được thu hồi dần từ hoạt động kinh doanh nước sạch và hoàn trả cho Ngân sách Nhà nước theo tỷ lệ khấu hao tài sản cố định quy định tại Quyết định số 138/2014/QĐ-UBND ngày 07 tháng 05 năm 2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

Theo quyết định trúng thầu số 819/QĐ - UBND ngày 06 tháng 07 năm 2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh, Công ty được hỗ trợ vốn từ Ngân sách Nhà nước đối với việc xây dựng dự án cấp nước 3 xã Nguyệt Đức – Ngũ Thái – Song Liễu, đồng thời nguồn vốn này sẽ được thu hồi dần từ hoạt động kinh doanh nước sạch và hoàn trả cho Ngân sách Nhà nước theo tỷ lệ khấu hao tài sản cố định.

- (ii) Phải trả dài hạn khác Công ty Cổ phần nước Halcom - Nhơn Hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐHTKD ngày 02 tháng 06 năm 2021, mục đích hợp tác: Đầu tư xây dựng và vận hành dự án mở rộng, nâng công suất và thay đổi nguồn nước ngầm sang sử dụng nguồn nước mặt sông Đuống nhà máy nước thị trấn Hồ - Giai đoạn 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ	Trong kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)
		Tăng	Giảm	
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	296.712.195.034	258.164.030.840	179.643.986.983	218.192.151.177
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (i)	47.306.714.825	44.225.753.460	48.689.485.651	51.770.447.016
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ (ii)	63.693.672.936	81.422.407.856	51.720.524.203	33.991.789.283
Bà Nguyễn Như Quỳnh (iii)	44.028.000.000	50.250.000.000	6.222.000.000	-
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm (iv)	28.942.646.576	44.122.133.724	42.906.214.868	27.726.727.720
Asia Investment, Development & Construction Sole Co., Ltd (v)	2.647.400.000	9.700.000	-	2.637.700.000
Bà Nguyễn Hoàng Anh (vi)	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Ông Phạm Minh Tuấn	-	100.000.000	100.000.000	-
Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	102.343.760.697	38.034.035.800	30.005.762.261	94.315.487.158
Landesbank Baden - Wuerttemberg - Singapore branch (vii)	52.622.919.159	15.717.565.210	16.314.543.648	53.219.897.597
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (i)	29.500.000.000	14.000.000.000	8.000.000.000	23.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (viii)	10.320.000.000	5.660.000.000	3.000.000.000	7.660.000.000
Asia Investment, Development & Construction Sole Co., Ltd (v)	4.587.900.358	-	34.748.023	4.622.648.381
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Quế Võ (ix)	112.941.180	56.470.590	56.470.590	112.941.180
Ngân hàng Sinopac (x)	5.200.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	5.200.000.000
Các khoản vay ngắn hạn từ các bên liên quan	6.750.000.000	-	-	6.750.000.000
Ông Nguyễn Quang Huân (xi)	6.750.000.000	-	-	6.750.000.000
b) Vay dài hạn	533.428.790.344	22.680.750.661	50.367.043.586	561.115.083.269
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (i)	114.846.526.385	-	14.000.000.000	128.846.526.385
Landesbank Baden - Wuerttemberg - Singapore branch (vii)	210.491.675.739	-	28.050.572.996	238.542.248.735
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (viii)	150.580.000.000	22.680.750.661	5.660.000.000	133.559.249.339
Ngân hàng Sinopac (x)	57.200.000.000	-	2.600.000.000	59.800.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Quế Võ (ix)	310.588.220	-	56.470.590	367.058.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2026/135099/HĐTD ngày 25/03/2026, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 50.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất của các khoản vay có số dư đến hiện tại đang được xác định là 8,8%. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Quang Huân, và các xe ô tô con Lexus RX 350, TOYOTA, Mercedes - Benz GLE4004Matic của Công ty.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/1780347/HĐTD ngày 24/01/2025, hạn mức 8,6 tỷ VND, bao gồm cả vay ngắn hạn, bảo lãnh và phát hành L/C. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng và tối đa không quá ngày 31/12/2025. Thời hạn cho vay được xác định theo từng kế ước nhận nợ cụ thể. Lãi suất theo lãi suất cho vay ngắn hạn của BIDV từng thời điểm, hiện tại lãi suất dao động từ 6% - 7%. Tài sản đảm bảo bao gồm quyền sử dụng đất, ô tô, nguồn đối ứng của các khoản phải thu của Công ty mua bán điện.
- Hợp đồng vay số 01/2019/1780347/HĐTD ngày 18/02/2019 với giá trị khoản vay 350.092.522.527 VND. Thời hạn 18 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất thỏa thuận trong mọi trường hợp không thấp hơn lãi suất tiền gửi có kỳ hạn của các tổ chức tín dụng và không thấp hơn mức lãi suất tối thiểu của BIDV. Khoản vay được giải ngân theo các kế ước nhận nợ cho vay, các khoản vay có thời hạn cố định và được điều chỉnh mỗi 6 tháng. Mục đích vay nhằm thanh toán chi phí Dự án Nhà máy phong điện Phương Mai 3 này. Tài sản đảm bảo gồm:
 - Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay sau đầu tư của Dự án Nhà máy điện gió Phương Mai 3 và tất cả các máy móc thiết bị, quyền tài sản, quyền và lợi ích thực hiện dự án;
 - 17.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (Mã HII) của ông Nguyễn Quang Huân - CT HĐQT và các bên thứ ba khác.
 - Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Quang Huân và bà Lê Thị Kim Anh theo giấy chứng nhận QSDĐ số CG666641 và số CS 21130 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 09 tháng 6 năm 2017.

(ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 357983.25.004.708626.TD ngày 11/12/2025, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 85.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích cấp tín dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị điện, thiết bị ngành nước, vật liệu xây dựng. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 19/11/2026. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản bảo đảm là căn hộ chung cư, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các cá nhân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(iii) Khoản vay theo các Hợp đồng

- Hợp đồng vay tiền số 12032026 ngày 12/03/2026, tổng số tiền vay 21.000.000.000 VND, thời hạn vay 03 tháng từ 12/03/2026 - 12/06/2026, lãi suất 20%/năm, Phụ lục gia hạn số PL01 - KUI2032026 ngày 12/06/2026 gia hạn thời hạn vay đến 12/12/2026 và Hợp đồng vay tiền số 05032026 ngày 05/03/2026, tổng số tiền vay 5.100.000.000 VND, thời hạn vay 03 tháng từ 05/03/2026 - 05/06/2026, lãi suất 20%/năm, Phụ lục gia hạn số PL01 - KUI05032026 ngày 05/06/2026 gia hạn thời hạn vay đến 05/07/2026. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- Hợp đồng vay tiền số 0601/2026/HĐVT ngày 06/01/2026 với số tiền vay 12.300.000.000 VND. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Thời hạn vay kể từ ngày giải ngân số tiền vay đến ngày 30/06/2026 hoặc khi bên cho vay yêu cầu hoàn trả từng phần hoặc toàn bộ khoản vay. Lãi suất cho khoản vay là 10%/năm. Lãi vay sẽ được trả trước ngày 30/06/2026. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- Hợp đồng vay tiền số 0601/2026/HĐVT ngày 10/01/2026 với số tiền vay 1.000.000.000 VND. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Thời hạn vay kể từ ngày giải ngân số tiền vay đến ngày 30/06/2026 hoặc khi bên cho vay yêu cầu hoàn trả từng phần hoặc toàn bộ khoản vay. Lãi suất cho khoản vay là 10%/năm. Lãi vay sẽ được trả trước ngày 30/06/2026. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- Khế ước nhận nợ số 05032026 ngày 05/3/2026 với số tiền vay 9.850.000.000 VND. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 05/03/2026 đến 05/06/2026. Lãi suất cho khoản vay là 20%/năm. Lãi vay sẽ được trả từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- Khế ước nhận nợ số 12032026 ngày 12/3/2026 với số tiền vay 1.000.000.000 VND. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 12/03/2026 đến 12/06/2026. Lãi suất cho khoản vay là 20%/năm. Lãi vay sẽ được trả từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

(iv) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam – Chi nhánh Gia Lâm theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTDI152025451 ký ngày 06/10/2025 với hạn mức 45.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh Upas/Upau L/C nội địa phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng và thi công công trình xây dựng. Hợp đồng quy định thời hạn của hạn mức tín dụng từ ngày 06/10/2025 đến ngày 06/10/2026. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo GCN số BB88251; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo GCN số CS20554 thuộc sở hữu của ông Vũ Mạnh Tuấn và bà Trần Thị Minh Huệ.
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo GCN số CI 293889 thuộc sở hữu của ông Phùng Ngọc Sơn và bà Trần Thu Hương;
- 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Camry theo Giấy đăng ký xe số 767569 của ông Nguyễn Quang Hưng – Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần nước Thuận Thành.
- Và các tài sản khác gồm sổ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi, trái phiếu do LPBank phát hành thuộc quyền sở hữu của bên được cấp tín dụng hoặc đồng chủ sở hữu của bên được cấp tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo đảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (v) Khoản vay với Asia Investment Development and Construction Sole Co., Ltd theo các hợp đồng:
- Hợp đồng vay số LOAN02/CWP-AIDAC ngày 22/5/2024, Phụ lục hợp đồng vay số LOAN02/CWP-AIDAC ngày 03/10/2024; giá trị khoản vay 100.000 USD; thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 28/02/2025; lãi suất 8%/năm. Mục đích vay là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
 - Hợp đồng vay ngày 16/06/2021: Giá trị khoản vay là 175.253 USD; thời hạn vay 9 tháng; lãi suất 10%/năm; mục đích vay là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (vi) Hợp đồng vay tiền số 1612/2020/HĐVT ngày 16/12/2020 với bà Nguyễn Hoàng Anh, tổng số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận được tiền, lãi suất 10%/năm từ 16/12/2020 - 19/03/2023; phụ lục hợp đồng vay số 03 điều chỉnh lãi suất lên 13%/năm từ 20/03/2023 - 15/12/2023. Phụ lục hợp đồng vay số 05 gia hạn khoản vay đến 15/12/2025 và lãi suất 10%/năm. Phụ lục hợp đồng số 06 gia hạn khoản vay đến 15/12/2026 và lãi suất giữ nguyên 10%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (vii) Khoản vay giữa Công ty và Landesbank Baden - Wuerttemberg - Singapore branch theo hợp đồng vay số LBW19EC000022 ngày 19/09/2019; Kim ngạch vay 15.099.999,95 EUR; thời hạn vay kể từ ngày rút vốn đến ngày 03/05/2033; lãi suất thả nổi: EURIBOR 6 tháng + 0,75%/năm. Mục đích vay để tài trợ tối đa 91,64% giá trị hợp đồng thiết bị nhập khẩu của Hãng máy phát điện Phụ Chi phát điện của Dự án Phương Mai 3 và thanh toán 100% phí bảo hiểm ECA theo điều kiện. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (viii) Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2024-HĐCVDĐT/NHCT142-HALCOM ngày 06/08/2024, hạn mức tín dụng là 184.000.000.000 VND. Thời hạn vay tối đa là 132 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Trong năm 2026, lãi suất vay được xác định vào ngày giải ngân khoản vay và được điều chỉnh vào ngày 25 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Trong đó:
Giới hạn cho vay ngắn hạn là 20.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
Giới hạn cho vay dài hạn là 164.000.000.000 VND với mục đích tài trợ Dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội - Giai đoạn 1.
Tài sản bảo đảm là toàn bộ máy móc thiết bị và phụ kiện đi kèm đồng bộ hình thành trong tương lai liên quan đến Dự án Hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (Giai đoạn 1); các tài sản gắn liền với Thửa đất tại Khu kinh tế Nhơn Hội, xã Cát Chánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 949920; toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ và/hoặc có liên quan đến Dự án.
- (ix) Khoản vay Ngân hàng Shinhan theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/QV/2023/CA-0012 ký ngày 28/02/2023. Giá trị tối đa của khoản vay là 800.000.000 đồng. Mục đích vay: mua ô tô. Thời hạn cho vay 84 tháng. Thời hạn rút vốn vay 03 tháng kể từ ngày 17/02/2023. Lãi suất 9,19%/năm trong khoảng thời gian 6 tháng kể từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên, và sau đó áp dụng lãi suất 10,9%/năm trong khoảng thời gian 54 tháng tiếp theo. Tài sản thế chấp là xe ô tô BKS thuộc quyền sở hữu của Công ty.
- (x) Khoản vay Ngân hàng Sinopac theo hợp đồng tín dụng số 252031 ký ngày 18/09/2025. Theo thông báo tín dụng số 252031-TBHM ngày 18/09/2025, hạn mức tín dụng là 2,5 triệu USD tương đương 65 tỷ VND. Thời hạn khoản vay 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất thả nổi bằng trung bình lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng với biên độ không quá 2,2%/năm. Mục đích vay tài trợ khoản vay cổ đông để hợp tác kinh doanh dự án Hệ Thống Cấp Nước Khu Kinh Tế Nhơn Hội. Tài sản bảo đảm là tài sản gắn liền với đất tại Phường Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
- (xi) Khoản vay giữa Công ty và Ông Nguyễn Quang Huân theo hợp đồng vay số 0107/2025/HĐVT ngày 01/07/2025 và 0608/2025/HĐVT ngày 06/08/2025. Giá trị của khoản vay lần lượt là 14.350.000.000 đồng và 1.400.000.000 đồng. Mục đích vay: phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Thời hạn vay: Kể từ ngày nhận nợ đến ngày 30/9/2026 hoặc khi bên cho vay có yêu cầu hoàn trả từng phần hoặc toàn bộ khoản vay. Lãi suất cho vay: 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Khoản vay dài hạn của Công ty có lịch trả nợ như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	102.343.760.697	94.315.487.158
Trong năm thứ hai	77.474.299.037	72.831.748.823
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	320.976.019.719	307.609.348.204
Sau năm năm	134.978.471.588	180.673.986.242
Cộng	635.772.551.041	655.430.570.427
<i>Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng</i>		
<i>(đã được trình bày ở phần vay ngắn hạn)</i>	<i>102.343.760.697</i>	<i>94.315.487.158</i>
Số phải trả sau 12 tháng	533.428.790.344	561.115.083.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (01/04/2025) - Trình bày lại	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	-	2.040.795.104	24.458.765.088	132.935.937.258	927.563.545.350
- Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-	(43.264.616.256)	(33.538.651.566)	(76.803.267.822)
- Chênh lệch quy đổi ngoại tệ công ty con ở nước ngoài	-	-	-	(8.370.000)	-	-	-	(8.370.000)
- Giảm tỷ lệ góp vốn ở Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường miền Bắc	-	-	-	-	-	1.563.029	4.998.436.971	5.000.000.000
- Giảm do thoái vốn ở Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ, Công ty Cổ phần Điện gió Galcon - Quảng Bình	-	-	-	-	-	-	(8.491.880.000)	(8.491.880.000)
- Tăng do góp vốn vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc	-	-	-	-	-	-	62.290.869.411	62.290.869.411
- Tăng do góp vốn vào Hữu Giang	-	-	-	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Số dư đầu năm nay (31/12/2025) - Trình bày lại	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	(8.370.000)	2.040.795.104	(18.804.288.139)	160.194.712.074	911.550.896.939
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	7.328.036.821	2.044.832.726	9.372.869.547
- Chênh lệch quy đổi ngoại tệ tại Công ty con nước ngoài	-	-	-	40.448.650	-	-	-	40.448.650
Số dư cuối kỳ này	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	32.078.650	2.040.795.104	(11.476.251.318)	162.239.544.800	920.964.215.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	76.765.032	76.765.032
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	76.765.032	76.765.032
+ Cổ phiếu phổ thông	76.765.032	76.765.032
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ, cổ phiếu mua lại của chính mình)	8.711	8.711
+ Cổ phiếu phổ thông	8.711	8.711
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.756.321	76.756.321
+ Cổ phiếu phổ thông	76.756.321	76.756.321
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng):	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tài sản thuê ngoài

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tài sản thuê ngoài: Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	1.849.079.600	1.751.234.050
- Từ 1 năm đến 5 năm	1.014.298.500	2.784.970.100
- Trên 5 năm	2.801.008.005	2.879.416.005
Cộng	5.664.386.105	7.415.620.155

b) Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Dollar Mỹ (USD)	435,80	289,40
Euro (EUR)	7.489,57	9.523,61

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 (Trình bày lại)
	VND	VND
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	179.305.296.186	151.246.458.143
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.153.734.127	178.558.574.333
Cộng	217.459.030.313	329.805.032.476

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 (Trình bày lại)
	VND	VND
Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán	169.170.323.575	144.678.248.556
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	43.410.663.442	63.917.952.983
Cộng	212.580.987.017	208.596.201.539

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	503.552.240	9.209.083
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.359.328.099	-
Doanh thu tài chính khác	3.600.000.000	-
Cộng	16.462.880.339	9.209.083

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025
	VND	VND
Chi phí đi vay	27.978.117.182	16.529.045.451
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	(12.939.769.400)	-
Phí bảo lãnh khoản vay	2.480.492.109	2.689.468.222
Lỗ chênh lệch tỷ giá	34.651.658	32.493.894.600
Chi phí tài chính khác	1.461.298.960	1.086.375.735
Cộng	19.014.790.509	52.798.784.008

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 (Trình bày lại)
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	8.432.760.112	17.716.981.388
- Chi phí đồ dùng văn phòng	94.675.777	171.498.514
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.958.335.154	368.157.222
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(21.874.174.429)	(185.326.239)
- Thuế, phí và lệ phí	246.473.217	344.566.993
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.588.242.521	5.249.777.297
- Chi phí bằng tiền khác	2.072.840.628	3.788.636.012
- Phân bổ Lợi thế thương mại	14.312.221.234	672.888.928
Cộng	8.831.374.214	28.127.180.115

Ghi chú:

(i) Hoàn nhập dự phòng bao gồm:

- Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Halcom - Hậu Giang – Công ty con của Công ty hoàn nhập 28 tỷ VND, do Công ty con thu hồi được khoản phải thu khác của các cá nhân với số tiền là 28 tỷ VND (Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán tại phần Thuyết minh Báo cáo tài chính).
- Công ty trích lập dự phòng nợ phải khó đòi với số tiền khoảng 6.1 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 (Trình bày lại)
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.589.859.796	72.796.438.032
- Chi phí nhân công	12.165.793.022	14.768.959.076
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.683.938.514	26.687.755.515
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.131.791.135	12.713.343.034
- Chi phí khác bằng tiền	2.544.829.618	17.454.223.050
- Chi phí dự phòng	(21.874.174.429)	(185.326.239)
Cộng	52.242.037.656	144.235.392.468

28. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025
	VND	VND
Nhận bồi thường thiệt hại (i)	14.970.000.000	-
Các khoản khác	1.227.507.808	110.617
Cộng	16.197.507.808	110.617

Ghi chú:

- (i) Khoản nhận bồi thường thiệt hại do tổn thất tài sản ảnh hưởng bão lũ xảy ra vào ngày 06 tháng 11 năm 2025 từ các công ty bảo hiểm.

29. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 (Trình bày lại)
	VND	VND
- Các khoản bị phạt	186.346.892	203.856.118
- Chi phí khấu hao, phân bổ CCDC không hợp lệ	995.591.892	959.134.179
Cộng	1.181.938.784	1.162.990.297

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 (Trình bày lại)
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam	4.817.995.383	12.317.946.428
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	3.288.691.146	143.803.380
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.106.686.529	12.461.749.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	7.328.036.821	43.535.274.412
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.328.036.821	43.535.274.412
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	76.756.321	76.756.321
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	95,47	567,19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- 1 - Bộ phận kinh doanh thương mại: Bán buôn sắt thép, vật liệu xây dựng, ...
- 2 - Bộ phận sản xuất điện: Sản xuất điện gió.
- 3 - Bộ phận sản xuất nước: Khai thác, cấp nước dùng cho các hộ dân.
- 4 - Bộ phận dịch vụ khác: Cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn, lắp bảo cáo khảo sát, ...

Việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Kinh doanh thương mại	Sản xuất điện	Sản xuất nước	Dịch vụ khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	179.305.296.186	26.359.122.924	7.551.411.469	4.243.199.734	217.459.030.313	-	217.459.030.313
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	2.339.073.837	2.339.073.837	(2.339.073.837)	-
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	169.170.323.575	32.097.749.053	7.389.339.520	4.734.506.174	213.391.918.322	(810.931.305)	212.580.987.017
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.134.972.611	(5.738.626.129)	162.071.949	1.847.767.397	6.406.185.828	(1.528.142.532)	4.878.043.296
5. Tài sản bộ phận		686.200.915.286					-
6. Tài sản không phân bổ							-
Tổng Tài sản	-	686.200.915.286	-	-	-	-	-
7. Nợ phải trả bộ phận	-	504.601.322.346	-	-	-	-	-
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng Nợ phải trả	-	504.601.322.346	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

Giai đoạn từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/09/2026

Chi tiêu	Kinh doanh thương mại	Sản xuất điện	Sản xuất nước	Dịch vụ khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	151.246.458.143	35.671.043.990	7.897.872.053	134.989.658.290	329.805.032.476	-	329.805.032.476
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	6.211.497.000	-	-	277.777.776	6.489.274.776	(6.489.274.776)	-
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	144.678.248.556	29.098.354.750	5.521.063.482	29.298.534.751	208.596.201.539	-	208.596.201.539
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.779.706.587	6.572.689.240	2.376.808.571	105.968.901.315	127.698.105.713	(6.489.274.776)	121.208.830.937
5. Tài sản bộ phận	-	710.361.703.627	-	-	710.361.703.627	-	710.361.703.627
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng Tài sản	-	710.361.703.627	-	-	710.361.703.627	-	710.361.703.627
7. Nợ phải trả bộ phận	-	503.130.624.492	-	-	503.130.624.492	-	503.130.624.492
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng Nợ phải trả	-	503.130.624.492	-	-	503.130.624.492	-	503.130.624.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Gia Tuấn Hưng	Công ty liên kết của Công ty con
Bà Vũ Thị Minh Hằng	Vợ của ông Nguyễn Việt Dũng - Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tiến Hân	Anh trai của ông Nguyễn Quang Huân - Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Kim Anh	Vợ của ông Nguyễn Quang Huân - Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Quang Hưng	Con trai của ông Nguyễn Quang Huân - Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Mạnh Tuấn	Giám đốc Công ty Cổ phần nước Thuận Thành
Ông Nguyễn Hồng Giang	Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Người quản lý khác	Lãnh đạo chủ chốt

Ngoài các số dư và giao dịch đã trình bày tại Thuyết minh số 6, 9, 15, 18 và 19, trong kỳ, Công ty còn có một số giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025
	VND	VND
Mua dịch vụ	2.195.636.156	1.084.417.483
Bà Vũ Thị Minh Hằng	295.747.322	264.239.149
Ông Nguyễn Tiến Hân	103.405.500	114.895.000
Bà Lê Kim Anh	680.283.334	705.283.334
Ông Nguyễn Quang Hưng	1.116.200.000	-
Đi vay	5.100.000.000	116.500.000.000
Bà Trần Thị Diệu	-	750.000.000
Ông Nguyễn Quang Huân	5.100.000.000	115.750.000.000
Trả tiền vay	5.100.000.000	9.750.000.000
Bà Trần Thị Diệu	-	750.000.000
Ông Nguyễn Quang Huân	5.100.000.000	9.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý khác và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác bao gồm:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	1.476.378.510	1.280.199.577
Ông Nguyễn Quang Huân	1.328.735.931	1.198.978.261
Ông Nguyễn Việt Dũng	87.642.579	81.221.316
Ông Nguyễn Văn Lâm	60.000.000	
Ban Tổng Giám đốc	416.000.001	1.311.584.357
Ông Phạm Minh Tuấn	416.000.001	415.863.637
Bà Hà Thị Thu Hương - Miễn nhiệm ngày 05/01/2026	-	456.431.514
Ông Đỗ Tiến Anh - Miễn nhiệm ngày 12/3/2026	-	439.289.206
Ban kiểm soát	99.999.996	100.040.000
Bà Bùi Thị Xuyên	90.000.000	90.000.000
Bà Trần Thị Minh Huệ - Miễn nhiệm ngày 25/6/2026	4.999.998	5.020.000
Ông Nguyễn Đức Quyết - Miễn nhiệm ngày 25/6/2026	4.999.998	5.020.000
Những người quản lý khác (Bao gồm: Thu nhập của Kế toán trưởng, thu nhập của Giám đốc các phòng ban, lương của Ban kiểm soát)	1.745.841.491	2.095.714.509
Cộng	3.738.219.998	4.787.538.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chi tiền mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm bao gồm 9.760.817.760 VND là số tiền thanh toán cho nhà cung cấp chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã phát sinh các năm trước. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Chi phí đi vay phải trả trong kỳ không bao gồm 18.783.482.203 VND - là số lãi dự trả của các khoản vay phát sinh trong kỳ nhưng chưa trả và bao gồm 9.131.917.829 VND - là số lãi dự trả của các khoản vay phát sinh trong kỳ trước chi trả trong kỳ này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chi tiêu (Tăng)/giảm các khoản phải trả của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản thanh toán thuê hoạt động chủ yếu thể hiện:

Hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Công ty TNHH Hòa Bình số IIB/HALCOM-2017 ngày 21/9/2017, thuê văn phòng tại Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Hà Nội với diện tích 386 m², mục đích thuê làm văn phòng Công ty. Theo thỏa thuận giá hạn thuê văn phòng số HB/HALCOM-2024 ngày 25/10/2024, thời gian thuê đến ngày 9/11/2027, đơn giá thuê từ ngày 10/11/2025 đến 9/11/2027 là 445.672 VND/ m²/tháng.

Hợp đồng thuê nhà giữa Công ty và Ông Nguyễn Trí Phương số 905/2025/IID/HAL-QLDT ngày 5/9/2025, địa chỉ thuê là 55 Trần Văn Trà, Hưng Phú, Cần Thơ, diện tích thuê (đất 92,5 m², mặt sàn 242,3 m²), đơn giá thuê từ ngày 5/9/2025 đến 4/9/2026 là 13.000.000 VND/tháng, từ ngày 5/9/2026 đến ngày 4/9/2027 là 13.500.000 VND/tháng, mục đích thuê làm văn phòng đại diện.

Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất gắn cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp Nhơn Hội - Khu A số 27/IID-TLQSDĐ ngày 29/10/2018; Diện tích sử dụng 422 m²; Địa chỉ: Lô K2.03, Khu công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), Khu kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; Thời hạn đến 24/8/2057; Tiền thuê tính từ 01/01/2019: từ năm 1 đến năm 3 4.200.000 VND/tháng, từ tháng thứ 37 trở đi mức giá cho thuê tăng 10% so với kỳ trước đó (5 năm 1 lần); Tiền thuê được thanh toán 1 năm 1 lần. Phụ lục số 01/27/PLIID-TLQSDĐ ngày 07/5/2019 thay đổi: Diện tích 663m²; từ Năm 1 đến năm 3 5.400.000 VND/tháng, Từ tháng thứ 37 trở đi mức giá cho thuê tăng 10% so với kỳ trước đó (5 năm 1 lần); Tiền thuê được thanh toán 1 năm 1 lần

36. CAM KẾT ĐẦU TƯ

Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 001/2025/STA ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa Công ty TNHH Halcom (Cambodia) với bà Khvay Bopha và ông Tek Sim. Bà Bopha sẽ chuyển nhượng 31% cổ phần của công ty P.S.Y cho Halcom Cambodia và ông Tek Sim sẽ chuyển nhượng hết 49% cổ phần của Công ty P.S.Y cho công ty Halcom Cambodia. Với tổng giá trị chuyển nhượng 80% cổ phần là 1.040.000 USD. Công ty đã thực hiện đặt cọc số tiền 50.000 USD. Hợp đồng chuyển nhượng sẽ được tiếp tục thực hiện trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

37. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Như đã trình bày tại thuyết minh số 9, ngày 21/8/2026, Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom Hậu Giang (Công ty con) đã thu hồi khoản phải thu khác của hai đối tượng cá nhân là Ông Trần Thành Đô và Bà Nguyễn Thị Trang với số tiền là 28 tỷ VND. Tại ngày 31/12/2025, khoản phải thu khác này đã được trích lập 100%. Do đó, tại ngày 30/6/2026, Công ty thực hiện điều chỉnh hoàn nhập dự phòng tương ứng 28 tỷ VND.

Theo Nghị quyết số 16/2026/NQ-HDQT/HALCOM ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng Quản trị về việc chủ trương rà soát, tái cơ cấu danh mục đầu tư, Hội đồng Quản trị phê duyệt chủ trương rà soát đánh giá, sắp xếp và tái cơ cấu danh mục đầu tư của Công ty, bao gồm các khoản đầu tư tại công ty con, công ty liên kết, các khoản góp vốn, dự án đầu tư và các khoản đầu tư khác. Việc tái cơ cấu tập trung vào các khoản đầu tư có hiệu quả thấp, không phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển của Công ty. Theo đó, Công ty sẽ tái cơ cấu một số khoản đầu tư vào quý IV năm 2026.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 30 tháng 9 năm 2025 đã được soát xét; do khác biệt về kỳ kế toán nên số liệu này không có tính so sánh với số liệu của kỳ hiện tại. Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trình bày lại cho phù hợp với số liệu kỳ này.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC. Theo đó, một số số liệu năm trước đã được trình bày lại theo hướng dẫn tại điều khoản chuyển tiếp của Thông tư số 99/2025/TT-BTC và được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này và điều chỉnh một số chỉ tiêu do ảnh hưởng hồi tố tại Báo cáo của Công ty mẹ và Công ty con, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Trình bày lại/ Phân loại lại	Số sau trình bày lại/ phân loại lại	Ghi chú
	VND	VND	VND	
Báo cáo tình hình tài chính				
Phải thu về cho vay ngắn hạn	11.871.620.000	(11.871.620.000)	-	(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	-	13.377.620.000	13.377.620.000	(i)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	119.816.217.985	528.000.000	120.344.217.985	(ii)
Phải thu khác ngắn hạn	446.672.199.401	(232.521.627)	446.439.677.774	(iii)
Hàng tồn kho	6.057.266.347	(2.968.051.210)	3.089.215.137	(iv)
Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	(323.113.875.508)	(5.921.956.844)	(329.035.832.352)	(v)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	236.929.444.414	(8.037.482.721)	228.891.961.693	(vi)
Chi phí cho phân bổ dài hạn	3.593.007.503	8.037.482.721	11.630.490.224	(vi)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	210.532.151.177	7.660.000.000	218.192.151.177	(viii)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	568.775.083.269	(7.660.000.000)	561.115.083.269	(viii)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	28.721.150.149	(4.262.385.061)	24.458.765.088	(iii), (iv), (v)
LNST chưa phân phối năm nay	(40.664.884.854)	(2.598.168.373)	(43.263.053.227)	(ii)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	160.422.688.321	(227.976.247)	160.194.712.074	(ii)
Báo cáo Kết quả kinh doanh				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	329.633.820.225	171.212.251	329.805.032.476	(iii)
Giá vốn hàng bán	206.363.341.661	2.232.859.878	208.596.201.539	(ii), (iv), (v)
Chi phí khác	1.223.608.969	(60.618.672)	1.162.990.297	(v)
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	41.121.057.488	(2.001.028.955)	39.120.028.533	
Chi phí thuế TNDN hiện hành (iv)	12.874.079.333	(412.329.525)	12.461.749.808	(iii), (iv), (v)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.791.457.786	(1.588.699.430)	22.202.758.356	
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	45.022.455.948	(1.487.181.536)	43.535.274.412	(iii), (iv), (v)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(21.212.662.794)	(101.517.894)	(21.314.180.688)	(iii), (iv), (v)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

38. SÓ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Phân loại lại theo điều khoản chuyển tiếp của Thông tư 99/2025/TT-BTC.
- (ii) Điều chỉnh chi phí giá vốn sai kỳ tại Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung.
- (iii) Điều chỉnh doanh thu sai kỳ tại Công ty Cổ phần nước Thuận Thành.
- (iv) Điều chỉnh giá vốn cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần nước Thuận Thành.
- (v) Điều chỉnh giá trị hao mòn lũy kế tại Công ty Cổ phần nước Thuận Thành.
- (vi) Phân loại lại chi phí giải phóng mặt bằng tại Halcom.
- (vii) Phân loại lại khoản vay dài hạn đến hạn trả tại Halcom.



Tô Thị Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

